TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 06/10/2024

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC9340	Nguyễn Quỳnh	Anh	18/01/2004	Thái Bình	6,0	6,5	6,0	5,0	5,83	Đạt	
2	BKNC9341	Phạm Thị Minh	Anh	29/01/2002	Bình Thuận	9,0	7,5	9,5	9,0	8,67	Đạt	
3	BKNC9342	Trần Ngọc	Ánh	14/01/2001	Ninh Bình							Vắng
4	BKNC9343	Trần Thị Ngọc	Châu	10/9/2003	Thừa Thiên Huế	8,33	7,0	8,5	5,0	6,83	Đạt	
5	BKNC9344	Nguyễn Thiên	Đăng	30/7/2004	Hậu Giang	9,33	6,0	9,5	8,0	7,83	Đạt	
6	BKNC9345	Nguyễn Trung	Đức	12/8/2003	Gia Lai	6,33	8,5	6,5	7,0	7,33	Đạt	
7	BKNC9346	Lê Kim	Duyên	23/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	2,67	0,0	0,0	0,0	0,0	Không đạt	Không TH
8	BKNC9347	Đinh Thị Ngọc	Hà	29/9/2002	Kiên Giang	5,67	6,0	9,0	5,0	6,67	Đạt	
9	BKNC9348	Đỗ Thanh	Hương	21/9/2003	Phú Thọ	9,0	5,0	9,5	5,0	6,5	Đạt	
10	BKNC9349	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/6/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	10,0	8,0	9,0	Đạt	
11	BKNC9350	Lê Ngọc	Huyền	27/4/2000	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
12	BKNC9351	Nguyễn Hoàng Liên	Kiệt	26/4/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,5	8,0	6,0	7,5	Đạt	
13	BKNC9352	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	09/01/2003	Bến Tre	7,67	7,0	6,0	5,0	6,0	Đạt	
14	BKNC9353	Đặng Thị Diệu	Linh	17/3/2004	Quảng Bình	7,67	7,5	9,0	7,5	8,0	Đạt	
15	BKNC9354	Nguyễn Thị Thúy	Linh	18/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,5	9,0	8,0	8,17	Đạt	
16	BKNC9355	Nguyễn Vũ Trúc	Linh	23/3/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	6,0	1,0	4,83	Không đạt	
17	BKNC9356	Bùi Thị Phương	Loan	25/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	8,5	10,0	9,17	Đạt	
18	BKNC9357	Mai Hoàng	Long	29/3/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	10,0	10,0	9,67	Đạt	
19	BKNC9358	Nguyễn Hải	Long	24/10/2003	Long An	5,33	4,5	5,0	1,0	3,5	Không đạt	
20	BKNC9359	Trần Nguyễn Nhật	Minh	09/10/2003	Cần Thơ	9,0	7,0	9,0	3,0	6,33	Không đạt	
21	BKNC9360	Nguyễn Thanh	Nga	15/3/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	6,0	3,0	5,67	Không đạt	
22	BKNC9361	Đỗ Thị Thúy	Ngà	04/8/2003	Hậu Giang	9,33	8,0	9,0	6,0	7,67	Đạt	
23	BKNC9362	Đoàn Kim	Ngân	06/02/2003	Bạc Liêu	6,67	8,0	9,0	8,0	8,33	Đạt	
24	BKNC9363	Lê Kim	Ngân	15/6/2004	Đồng Nai	8,67	8,0	9,5	10,0	9,17	Đạt	
25	BKNC9364	Võ Kiều	Ngân	18/9/2003	Tiền Giang	7,67	4,0	5,0	1,0	3,33	Không đạt	
26	BKNC9365	Nguyễn Thị Thu	Ngân	23/6/2003	Quảng Ngãi	9,33	7,5	8,0	6,5	7,33	Đạt	
27	BKNC9366	Vũ Kim	Ngân	10/01/2003	Nam Định	7,67	5,5	9,5	6,0	7,0	Đạt	
28	BKNC9367	Dương Thị Yến	Nhi	01/7/2002	Khánh Hòa	7,33	5,0	8,0	2,0	5,0	Không đạt	
29	BKNC9368	Huỳnh Ngọc	Nhi	10/11/2002	Cần Thơ	6,33	8,0	9,0	5,0	7,33	Đạt	
30	BKNC9369	Lê Thị Ý	Nhi	21/11/2004	Thừa Thiên Huế	8,0	8,5	9,0	5,0	7,5	Đạt	
31	BKNC9370	Nguyễn Ngọc Uyên	Như	09/8/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	9,5	8,0	8,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
32	BKNC9371	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/11/2004	Phú Yên	9,33	9,0	6,5	7,5	7,67	Đạt	
33	BKNC9372	Trần Thương Hoài	Niệm	02/9/2004	Bình Định	9,0	9,5	10,0	10,0	9,83	Đạt	
34	BKNC9373	Nguyễn Kim	Oanh	11/3/2003	Kiên Giang	8,67	8,0	5,0	3,5	5,5	Không đạt	
35	BKNC9374	Lê Thị Trà	Phương	09/7/2002	Bình Thuận	6,67	9,0	7,0	9,0	8,33	Đạt	
36	BKNC9375	Nguyễn Linh	Phương	06/8/2004	Hà Nội	7,33	8,0	8,0	6,5	7,5	Đạt	
37	BKNC9376	Nguyễn Hoàng	Quý	28/8/2004	Kom Tum	7,33	8,5	8,0	5,0	7,17	Đạt	
38	BKNC9377	Nguyễn Trúc	Quỳnh	23/4/2000	Vĩnh Long							Vắng
39	BKNC9378	Ngô Minh	Thư	14/4/2004	Bình Định	6,67	7,0	6,5	7,0	6,83	Đạt	
40	BKNC9379	Nguyễn Anh	Thư	11/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,0	9,0	10,0	9,33	Đạt	
41	BKNC9380	Võ Thị Kiều	Tiên	12/12/1997	Phú Yên	5,0	8,0	9,5	10,0	9,17	Đạt	
42	BKNC9381	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	31/8/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,5	6,0	7,0	7,17	Đạt	
43	BKNC9382	Lê Thị Vũ	Tình	07/10/2003	Bình Thuận	6,67	4,0	6,0	3,0	4,33	Không đạt	
44	BKNC9383	Trịnh Thị Thanh	Trà	22/5/2003	Quảng Ngãi	8,0	8,5	9,0	7,5	8,33	Đạt	
45	BKNC9384	Cao Thị Bích	Trâm	13/02/2003	Quảng Ngãi	6,67	6,0	6,0	6,5	6,17	Đạt	
46	BKNC9385	Lê Ngọc Phương	Trinh	18/7/2000	Đồng Tháp	5,33	6,0	6,5	2,5	5,0	Không đạt	
47	BKNC9386	Huỳnh Ngọc Thanh	Trúc	24/5/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,5	8,0	8,0	7,83	Đạt	
48	BKNC9387	Nguyễn Tường	Vy	28/8/2004	Bình Thuận	8,33	7,0	5,0	5,0	5,67	Đạt	
49	BKNC9388	Hoàng Thị	Yến	29/10/2004	Đắk Lắk	9,33	9,5	9,0	8,0	8,83	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5*

Số lượng thí sinh: **49** **Số thí sinh đạt:** **36**

Số lượng hiện diện: **47**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**